

THANH TOÁN QUỐC TẾ

International Payment

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH (45 TIẾT – 3ĐVHT)

Phần I:

Tỷ giá hối đoái

Phần II:

Các phương tiện thanh toán quốc tế

Phần III:

Các phương thức thanh toán quốc tế

TÀI LIỆU HỌC TẬP

* BẮT BUỘC

1. Giáo trình: “*Thanh toán quốc tế*”, GS. Đinh Xuân Trình, NXB LD – XH, 2006
2. Tập quán quốc tế về L/C, ICC
3. Các điều kiện thương mại quốc tế, Incoterms 2000, ICC

* THAM KHẢO

4. Sách chuyên khảo:
 - *Cẩm nang giải quyết tranh chấp trong TTQT bằng L/C*, PGS.TS. Nguyễn Thị Quy, NXB Lý luận chính trị, 2006
 - *Thị trường thương phiếu ở Việt Nam*, GS. Đinh Xuân Trình & TS. Đặng Thị Nhân, NXB LD-XH, 2006
5. Luật Việt Nam và Quốc tế có liên quan
6. Các báo, tạp chí chuyên ngành
7. Internet: www.sbv.gov.vn; www.wb.com; www.easy-forex.com...

PHẦN I

TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Exchange rate

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

* TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI VÀ CÁC LOẠI TỶ GIÁ

- Ngoại hối
- Khái niệm tỷ giá
- Các loại tỷ giá
- Phương pháp yết giá
- Xác định tỷ giá theo pp chéo
- Các nhân tố ảnh hưởng đến TGHD
- Phương pháp điều chỉnh TGHD

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

5

A. TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI VÀ CÁC LOẠI TỶ GIÁ

I. NGOẠI HỐI

→ Ngoại hối là các phương tiện tiền tệ hay tín dụng được dùng trong thanh toán giữa các quốc gia khác nhau

Ngoại hối bao gồm:

1. Ngoại tệ (foreign currency)
2. Các phương tiện TTQT có giá ghi bằng ngoại tệ
3. Các chứng khoán có giá ghi bằng ngoại tệ
4. Vàng, bạc, kim cương, đá quý...
5. Đồng nội tệ được sử dụng trong TTQT hoặc được chuyển ra hay chuyển vào lãnh thổ của một quốc gia

VN: Khoản 1, điều 4, pháp lệnh quản lý ngoại hối được UBTVQH thông qua ngày 13/12/2005, có hiệu lực từ ngày 1/1/2006

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

6

II. KHÁI NIỆM TỶ GIÁ HỐI ĐOẢI

1. Khái niệm 1 (mang tính chất thị trường)

Tỷ giá hối đoái là giá cả của một đơn vị tiền tệ nước này thể hiện bằng một số đơn vị tiền tệ nước kia và ngược lại.

- Cung ngoại tệ > cầu ngoại tệ: TGHD giảm
- Cung ngoại tệ < cầu ngoại tệ: TGHD tăng

→ Quan hệ cung cầu ngoại tệ ảnh hưởng tới sự biến động TGHD

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

7

2. Khái niệm 2 (mang tính chất cơ bản)

Tỷ giá hối đoái là quan hệ so sánh của hai tiền tệ khác nhau.

→ Cơ sở so sánh:

- Ngang giá vàng (gold parity)
- Ngang giá sức mua (Purchasing power parity)

* Các tiêu chí của PPP:

- Hệ thống giá cả của một quốc gia (chỉ số CPI)
- Hệ thống giá ngoại tệ của một quốc gia (Exchange rate)
- Giá vàng tại quốc gia đó (gold price)

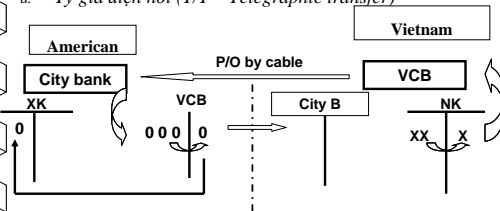
Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

8

III. CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOẢI

1. Căn cứ vào phương tiện TTQT (5 loại)

a. Tỷ giá điện hối (T/T – Telegraphic transfer)



b. Tỷ giá thư hối (M/T – Mail transfer)

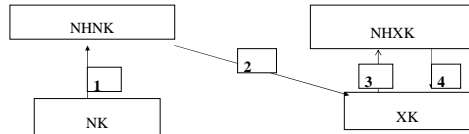
Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

9

III. CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI (Căn cứ vào phương tiện TTQT)

c. Tỷ giá séc (Check exchange rate)

Tỷ giá séc = tỷ giá T/T – lãi phát sinh của một đv ngoại tệ trong thời gian chuyển séc



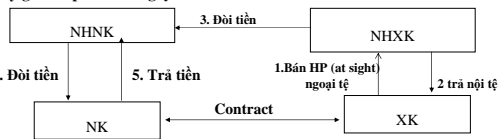
1. Mua séc
2. NHNK chuyển séc cho người XK
- 3,4: Xuất trình séc để nhận tiền

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

10

III. CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI (Căn cứ vào phương tiện TTQT)

d. Tỷ giá hối phiếu trả ngay



- Cách tính: giống tỷ giá séc (thời gian tính lãi là thời gian chuyển hối phiếu)

e. Tỷ giá hối phiếu trả chậm

- Tỷ giá HP trả chậm = Tỷ giá T/T – số tiền lãi phát sinh từ lúc ký phát HP đến lúc HP đó được trả tiền
- Thời gian tính lãi = thời gian chuyển HP + thời gian trả chậm HP

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

11

III. CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI (3.2. Căn cứ vào tính chất kinh doanh của ngân hàng)

- Tỷ giá mua vào – Bid rate.
- Tỷ giá bán ra – Ask rate.
- Tỷ giá giao ngay – Spot rate.
- Tỷ giá kỳ hạn – Forward rate.
- Tỷ giá mở cửa – Opening rate.
- Tỷ giá đóng cửa – Closing rate.
- Tỷ giá tiền mặt
- Tỷ giá chuyển khoản

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

12

III. CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

(3.3. Căn cứ vào cơ chế quản lý ngoại hối)

a. Fixed rate/floating rate

- Fixed rate: cố định trong 1 khoảng thời gian → ổn định về mặt danh nghĩa
- Floating rate: tỷ giá phụ thuộc vào sức mua của tiền tệ → đánh giá đúng giá trị thực tế của đồng tiền

b. Official rate/market rate

c. Prime rate/commercial bank's rate

d. Common rate/preference rate

e. Single rate/multimodal exchange rate

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

13

IV. PHƯƠNG PHÁP YẾT TỶ GIÁ (Exchange rate quotation)

1. Một số khái niệm liên quan đến việc yết giá các đồng tiền

1.1. Đồng tiền yết giá, đồng tiền định giá

$$\text{USD/VND} = 16.1025$$

$$\text{GBP/USD} = 1,85$$

- Theo tập quán kinh doanh của Ngân hàng, đồng tiền đứng trước là đồng tiền **yết giá** (reference/commodity currency), đơn vị đồng tiền yết giá là 1
- Đồng tiền đứng sau: đồng tiền **định giá** (price/term currency)

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

14

1.2. Tỷ giá mua và tỷ giá bán của các Ngân hàng

$$\text{USD/VND} = 16.100/16.200$$

$$\text{EUR/VND} = 21.250/21.450$$

- Tỷ giá đứng trước là tỷ giá mua của các ngân hàng (BID RATE), là tỷ giá mà ngân hàng mua về đồng tiền yết giá và bán ra đồng tiền định giá
- Tỷ giá đứng sau là tỷ giá bán của các ngân hàng (ASK RATE/OFFER RATE), ngân hàng bán đồng tiền yết giá để mua về đồng tiền định giá

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

15

2. Phương pháp yết giá

- Phương pháp yết giá trực tiếp:

1 đv ngoại tệ = x đơn vị nội tệ

VD: Tại Singapore:

USD/SGP = 7.8965/ 7.8975

- Phương pháp yết giá gián tiếp

1 đv nội tệ = x đơn vị ngoại tệ

VD: Tại London: GBP/CAD = 2.2398/92

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

16

3. Cách đọc tỷ giá

Tại New York:

USD/CAD = 1,4055/1,4045

→ Tỷ giá giữa đồng USD và CAD biến động từ 1,40 số 55 điểm đến 45 điểm

Tại London: GBP/EUR = 1,4175/70

* Đọc tỷ giá theo quy tắc 2 chữ số:

100 pips = 1 point

100point = 1 figure

100 figure = 1 unit

Thông thường hay đọc tới hàng điểm

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

17

V. XÁC ĐỊNH TỶ GIÁ THEO PHƯƠNG PHÁP TÍNH CHÉO

1. Xác định tỷ giá của hai tiền tệ đứng ở vị trí định giá của hai cặp tỷ giá khác nhau
2. Xác định tỷ giá của hai tiền tệ đứng ở vị trí yết giá của hai cặp tỷ giá khác nhau.
3. Xác định tỷ giá của hai tiền tệ đứng ở hai vị trí khác nhau (yết giá; định giá) của hai cặp tỷ giá khác nhau

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

18

1. Xác định tỷ giá của hai tiền tệ đứng ở vị trí định giá (đứng ở vị trí mẫu số) của hai cặp tỷ giá khác nhau

VD: USD/VND = 16100/16200

USD/HKD = 7.24/7.90

→ HKD/VND?

* CÔNG THỨC CHUNG:

HKD/VND = USD/VND : USD/HKD

ASK (b) USD/VND

BID (c) HKD/VND

=

BID (b) USD/HKD

BID(b) USD/VND

ASK (c) HKD/VND

=

ASK (b) USD/HKD

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

19

2. Xác định tỷ giá của hai tiền tệ đứng ở vị trí yết giá (đứng ở vị trí tử số) của hai cặp tỷ giá khác nhau

Biết GBP/VND và USD/VND ---> USD/GBP = ?

2.1. Công thức chung:

USD/GBP = TGĐT tử số/ TGĐT mẫu số

= USD/VND : GBP/VND

ASK(c) USD/GBP = BID (b) USD/VND : ASK(b) GBP/VND

BID(c) USD/GBP = ASK(b) USD/VND : BID (b) GBP/VND

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

20

3. Xác định TGHĐ của 2 đồng tiền ở 2 vị trí yết giá khác nhau

Cho cặp TGHĐ: GBP/USD, USD/VND → GBP/VND = ?

3.1. Công thức chung:

GBP/VND = GBP/USD x USD/VND

3.2. ASK(c) GBP/VND

= BID(b) GBP/USD x BID (b) USD/VND

3.3. BID(c) GBP/VND

= ASK(b) GBP/USD x ASK(b) USD/VND

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

21

V. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ BIẾN ĐỘNG CỦA TGHĐ

1. Mức chênh lệch lạm phát

Lạm phát tại VN: I_v

Lạm phát ở Mỹ: I_u

Tại HN:

Trước lạm phát: $USD = x \text{ VND}$

Sau lạm phát: $USD + I_u. USD = x \text{ VND} + I_v. x \text{ VND}$

$$USD (1+I_u) = x \text{ VND} (1+I_v)$$

$$USD/VND = x(1+I_v)/(1+I_u)$$

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

22

2. Tình hình cung và cầu ngoại hối trên thị trường

2.1. Tình hình dư thừa hay thiếu hụt của CCTQT

RECEIPT > EXPENDITURE SURPLUS

TĂNG CUNG NGOẠI HỐI (TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI ỔN ĐỊNH / GIẢM XUỐNG

RECEIPT < EXPENDITURE DEFICIT

TĂNG CẦU NGOẠI HỐI (TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI MẤT ỔN ĐỊNH / TĂNG LÊN

2.2. Thu nhập thực tế của người dân tăng

2.3. Những nhu cầu về ngoại hối tăng

3. Mức chênh lệch lãi suất

4. Một số yếu tố khác: chính sách thuế, quota, tâm lý ...

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

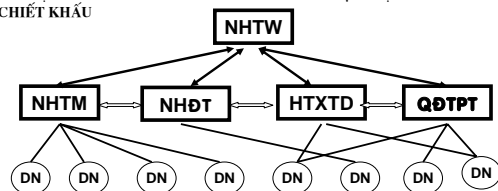
23

VI. CÁC BIỆN PHÁP ĐIỀU CHỈNH TGHĐ

1. CHÍNH SÁCH CHIẾT KHẤU CỦA NHTW

(DISCOUNT POLICY)

→ HỆ THỐNG NGÂN HÀNG 2 CẤP LÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CHIẾT KHẤU



CSCK CAO :
CHỐNG LẠM PHÁT
CUNG TĂNG , CẦU GIẢM
THU HẸP SX
HIỆU ỨNG NGẮN HẠN

CSCK THẤP :
- CHỐNG GIẢM PHÁT
- CUNG GIẢM , CẦU TĂNG
- KÍCH THÍCH SX
HIỆU ỨNG DÀI HẠN

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

24

2) CHÍNH SÁCH HỐI ĐOÁI (Chính sách thị trường mở hay Chính sách Nhà nước hoạt động công khai trên thị trường)

Đó là chính sách mà NHTW hoặc các cơ quan ngoại hối của Nhà nước trực tiếp tham gia mua bán ngoại hối trên thị trường tự do nhằm tác động trực tiếp vào TGHD.

** Điều kiện:*

- Thành lập quỹ ngoại hối (quỹ ngoại tệ và vàng)
- Cần có sự điều tiết của nhà nước

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

25

3- PHÁ GIÁ TIỀN TỆ (DEVALUATION)

a. Khái niệm : là đánh tụt sức mua của tiền tệ của nước này so với tiền tệ nước khác, thấp hơn sức mua thực tế của nó

➔ Devaluation là một phạm trù tiền tệ của chế độ tỷ giá cố định

➔ depreciation là phạm trù tiền tệ của chế độ tỷ giá thả nổi

b. Tác dụng :

- * XK (hh) ⇄ NK (HH) ⇄ ⇄ favourable trade balance
- * NK vốn ⇄ XK vốn ⇄ ⇄ favourable capital balance
- * Khuyến khích du lịch vào trong nước bị phá giá
- * Tước đoạt một phần giá trị thực tế của người có tiền

c. Hiệu quả của phá giá phụ thuộc :

- Dự trữ hàng hoá cho XK
- Môi trường đầu tư thuận lợi
- Bí mật

Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

26

4. NÂNG GIÁ TIỀN TỆ (REVALUATION)

a. Khái niệm :

là nâng cao sức mua của tiền nội tệ so với ngoại tệ, cao hơn sức mua thực tế của nó

➔ Revaluation là phạm trù tiền tệ của cơ chế tỷ giá cố định

➔ Appreciation là phạm trù tiền tệ của cơ chế tỷ giá thả nổi

VD: 1970: USD/JPY = 360

2004: USD/JPY = 114

b. Tác dụng : Ngược với phá giá tiền tệ

@ XK hàng hoá ⇄ NK hàng hoá ⇄

@ NK vốn ⇄ XK vốn ⇄

@ Khuyến khích du lịch ra nước ngoài

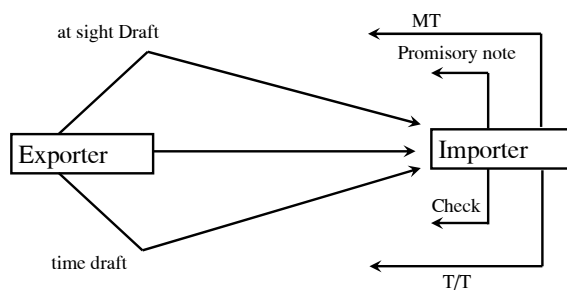
Chương 1: Tỷ giá hối đoái & Thị trường ngoại hối

27

PHẦN II

CÁC PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN QUỐC TẾ

CÁCH THỨC TRẢ TIỀN TRONG HOẠT ĐỘNG MUA BÁN NGOẠI THƯƠNG



NỘI DUNG PHẦN II

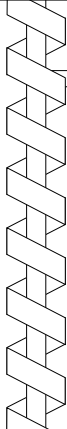
* HỒI PHIẾU THƯƠNG MẠI

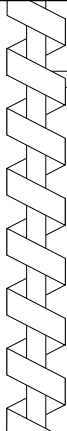
- Định nghĩa
- Đặc điểm
- Tạo lập và kiểm tra hồi phiếu
- Các nghiệp vụ liên quan
- Các loại hồi phiếu

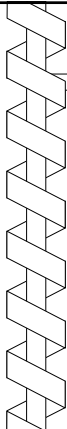
* KỲ PHIẾU THƯƠNG MẠI

* SÉC:

- Định nghĩa
- Đặc điểm
- Nội dung của séc
- Nguyên tắc phát hành séc
- Lưu thông thanh toán séc
- Các loại séc

HỒI PHIẾU THƯƠNG MẠI (BILL OF EXCHANGE)	
	I. Các nguồn luật điều chỉnh lưu thông hối phiếu 1. <i>Luật Hối phiếu của Anh 1882</i> 2. <i>Luật thương mại thống nhất của Mỹ 1962 (UCC – Uniform commercial code)</i> 3. <i>Công ước Geneva 1930</i> – ULB 1930 (Uniform law for Bill of Exchange) 4. <i>Luật công cụ chuyển nhượng Việt Nam, 2005</i>
	<small>22/9/2007 - HVTC</small>
	<small>Chuyên đề Thanh toán quốc tế</small>
	<small>31</small>

HỒI PHIẾU THƯƠNG MẠI (BILL OF EXCHANGE)	
	II. ĐỊNH NGHĨA - <i>Luật BEA 1882, Anh:</i> “ Hối phiếu là một mệnh lệnh vô điều kiện của người ký phát (Drawer) cho một người khác (Drawee), yêu cầu người này khi nhìn thấy phiếu hoặc đến một ngày cụ thể nhất định hoặc đến một ngày có thể xác định trong tương lai phải trả một số tiền nhất định cho một người nào đó hoặc theo lệnh của người này trả cho một người khác hoặc trả cho người cầm phiếu” - <i>Luật CCCN VN, 2005:</i> “ Hối phiếu đòi nợ là giấy tờ có giá do Người ký phát lập, yêu cầu Người bị ký phát thanh toán không điều kiện một số tiền xác định khi có yêu cầu hoặc vào một thời điểm nhất định trong tương lai cho người thụ hưởng.”
	<small>22/9/2007 - HVTC</small>
	<small>Chuyên đề Thanh toán quốc tế</small>
	<small>32</small>

HỒI PHIẾU THƯƠNG MẠI (BILL OF EXCHANGE)	
	III. CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG HỐI PHIẾU - Người ký phát hối phiếu (Drawer)* - Người bị ký phát (Drawee) - Người hưởng lợi (Beneficiary) - Người ký hậu HP (endorser) - Người được chuyển nhượng - Người bảo lãnh - Người chấp nhận trả tiền
	<small>22/9/2007 - HVTC</small>
	<small>Chuyên đề Thanh toán quốc tế</small>
	<small>33</small>

HỒI PHIẾU THƯƠNG MẠI (BILL OF EXCHANGE)

IV. ĐẶC ĐIỂM CỦA HỒI PHIẾU

- *Hồi phiếu được hình thành từ các giao dịch cơ sở*
- *Hình thức của HP dễ dàng nhận dạng trực tiếp*
- *Hồi phiếu là trái vụ một bên*
- *Tính trừu tượng của hồi phiếu:* trong nội dung của HP không cần ghi rõ lý do của việc đòi tiền
- *Tính lưu thông của hồi phiếu:*
 - + Nếu lưu thông nhằm mục đích đòi tiền → lưu thông hồi phiếu đóng vai trò như là phương tiện thanh toán thay cho tiền mặt
 - + Nếu lưu thông nhằm mục đích chuyển nhượng quyền hưởng lợi hồi phiếu → lưu thông hồi phiếu đóng vai trò như là chuyển nhượng tài sản.

22/9/2007 - HVTC

Chuyên đề Thanh toán quốc tế

34

TẠO LẬP HỒI PHIẾU VÀ KIỂM TRA HỒI PHIẾU

* Về hình thức:

- HP là một chứng thư, 1 văn bản → phải có hình thức rõ ràng
- Ngôn ngữ của HP là ngôn ngữ viết
- Hình mẫu HP: mẫu tự chọn
- HP có thể lập thành một hay nhiều bản (thông thường >= 2 bản)

* Về nội dung:

22/9/2007 - HVTC

Chuyên đề Thanh toán quốc tế

35

TẠO LẬP HỒI PHIẾU VÀ KIỂM TRA HỒI PHIẾU TDCT

NO 134/EX ① HANOI 22 SEPTEMBER 2007 ②
FOR USD 100,000.00 ③ BILL OF EXCHANGE ④

AT...⑤...AFTER SIGHT OF THIS FIRST OF BILL OF EXCHANGE
⑥ (SECOND OF THE SAME TENOR AND DATE UNPAID) PAY
TO ⑦ BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIET NAM OR ORDER
THE SUM OF ONE HUNDRED THOUSAND US DOLLARS ⑧

VALUE RECEIVED AND CHARGE THE SAME TO ACCOUNT OF
FAMOUSBID CO LTD HONGKONG ⑨a

DRAWN UNDER THE DELTA BANK LTD ⑨b

L/C NO 071A282 LC06 DATED 9 SEPTEMBER 2007. ⑨c

TO: THE DELTA BANK LTD
HONGKONG 10a

TOCONTAP COMPANY
HANOI 10b

36

TẠO LẬP HỒI PHIẾU HỒI PHIẾU NHỜ THU	
NO 134/EX ④ FOR USD 100,000.00 ⑤	② HANOI 22 SEPTEMBER 2007 ⑥ BILL OF EXCHANGE ①
AT...③...AFTER SIGHT OF THIS FIRST OF BILL OF EXCHANGE ⑦ (SECOND OF THE SAME TENOR AND DATE UNPAID) PAY TO ⑧ BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIET NAM OR ORDER THE SUM OF ONE HUNDRED THOUSAND US DOLLARS ⑤	
TO: FAMOUSBID CO LTD HONGKONG 10a	TOCONTAP COMPANY HANOI 10b

37

HỒI PHIẾU THƯƠNG MẠI (BILL OF EXCHANGE)	
VI. NHỮNG NGHIỆP VỤ LIÊN QUAN ĐẾN HỒI PHIẾU	
6.1. Nghiệp vụ chấp nhận trả tiền Hồi phiếu	
a. Khái niệm:	
b. Hình thức của chấp nhận	
c. Nguyên tắc ký chấp nhận	
6.2. Nghiệp vụ ký hậu Hồi phiếu	
a. Khái niệm:	
b. Hình thức	
c. Nguyên tắc	
e. Các loại ký hậu	

22/9/2007 - HVTTC
Chuyển đề Thanh toán quốc tế
38

HỒI PHIẾU THƯƠNG MẠI (BILL OF EXCHANGE)	
VI. NHỮNG NGHIỆP VỤ LIÊN QUAN ĐẾN HỒI PHIẾU	
6.2. Nghiệp vụ ký hậu Hồi phiếu	
e. Các loại ký hậu	
1 – blank endorsement:	
1.1- Mr a (signed)	
1.2- pay to the order of any bank , Mr a (signed)	
2 – restrictive endorsement (nominated):	
pay to Bank B , Mr A (signed)	
3 – Endorsement to order :	
pay to the order of Bank A , Mr A (signed)	
pay to the order of bank B , Bank A (signed)	
4 – endorsement without recourse .	
pay to the order of bank A , WR , Mr A (signed)	
pay to the order of bank b , wr , bank a (signed)	
pay to the order of bank c , wr , bank a (signed)	

22/9/2007
Chuyển đề Thanh toán quốc tế
39

**HỒI PHIẾU THƯƠNG MẠI
(BILL OF EXCHANGE)**

VI. NHỮNG NGHIỆP VỤ LIÊN QUAN ĐẾN HỒI PHIẾU

6.3. Nghiệp vụ bảo lãnh Hồi phiếu

a. Khái niệm:

Là sự cam kết của người thứ ba, thay người bị ký phát, sẽ trả tiền cho người hưởng lợi khi hồi phiếu đến hạn trả tiền.

b. Hình thức bảo lãnh:

- Bảo lãnh trực tiếp trên HP: người bảo lãnh ghi các từ: guaranteed, aval và ký tên
- Bảo lãnh bằng văn thư riêng biệt: do người bảo lãnh phát hành

22/9/2007 - HVTC
Chuyên đề Thanh toán quốc tế
40

**HỒI PHIẾU THƯƠNG MẠI
(BILL OF EXCHANGE)**

VI. NHỮNG NGHIỆP VỤ LIÊN QUAN ĐẾN HỒI PHIẾU

6.3. Nghiệp vụ bảo lãnh Hồi phiếu

c. Nguyên tắc bảo lãnh

- Bảo lãnh là vô điều kiện
- Người được bảo lãnh là người bị ký phát hoặc người chấp nhận hồi phiếu
- Có thể bảo lãnh từng phần giá trị hồi phiếu
- Bảo lãnh phải ghi tên Người được bảo lãnh

22/9/2007 - HVTC
Chuyên đề Thanh toán quốc tế
41

**HỒI PHIẾU THƯƠNG MẠI
(BILL OF EXCHANGE)**

VII. CÁC LOẠI HỒI PHIẾU

7.1. Căn cứ vào thời hạn trả tiền hồi phiếu có 2 loại:

- Hồi phiếu trả tiền ngay
- Hồi phiếu có kỳ hạn

7.2. Căn cứ vào hồi phiếu có kèm chứng từ hay không:

- Hồi phiếu trơn (Clean Bill of Exchange): Là loại hồi phiếu mà việc trả tiền không kèm theo chứng từ hàng hoá.
- Hồi phiếu kèm chứng từ (Documentary Bill of Exchange): Là loại hồi phiếu có kèm theo chứng từ hàng hoá. Người trả tiền phải trả tiền hồi phiếu hoặc chấp nhận giá tiền vào hồi phiếu rồi mới được nhận chứng từ hàng hoá.

22/9/2007 - HVTC
Chuyên đề Thanh toán quốc tế
42

HỒI PHIẾU THƯƠNG MẠI (BILL OF EXCHANGE)

VII. CÁC LOẠI HỒI PHIẾU

7.3. Căn cứ vào tính chất chuyển nhượng của hồi phiếu:

- Hồi phiếu vô danh (nameless draft)
- Hồi phiếu đính danh (name draft)
- Hồi phiếu theo lệnh (to order draft).

7.4. Căn cứ vào phương thức trả tiền áp dụng trong ngoại thương:

- Hồi phiếu nhờ thu (for collection).
- Hồi phiếu tín dụng chứng từ (for L/C)

7.5. Căn cứ vào người ký phát là ai:

- Hồi phiếu thương mại
- Hồi phiếu ngân hàng

22/9/2007 - HVTC

Chuyên đề Thanh toán quốc tế

43

PHẦN III

CÁC ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN QUỐC TẾ

NỘI DUNG PHẦN III

- * ĐIỀU KIỆN VỀ TIỀN TỆ
- * ĐỊA ĐIỂM THANH TOÁN
- * THỜI GIAN THANH TOÁN
- * PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

I. ĐIỀU KIỆN VỀ TIỀN TỆ

1- PHÂN LOẠI TIỀN TỆ

1.1- CĂN CỨ VÀO PHẠM VI SỬ DỤNG TIỀN TỆ

- WORLD CURRENCY
- INTERNATIONAL CURRENCY : USD
- TRANSFERABLE ROUBLE SDR , EURO
- NATIONAL MONEY

1.2- CĂN CỨ VÀO KHẢ NĂNG CHUYỂN ĐỔI

- FREE CONVERTIBLE CURRENCY
- TRANSFERABLE CURRENCY
- CLEARING CURRENCY

1.3 – CĂN CỨ VÀO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

- ACCOUNT CURRENCY
- PAYMENT CURRENCY

22/9/2007 - HVTC

Chuyên đề Thanh toán quốc tế

46

ĐIỀU KIỆN VỀ TIỀN TỆ

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HỐI ĐOẠI

- * ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO VÀNG
- * ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO NGOẠI HỐI
- * ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THEO “RÔ” TIỀN TỆ
- * ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CĂN CỨ VÀO TIỀN TỆ QUỐC TẾ
- * ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CĂN CỨ VÀO SỰ BIẾN ĐỘNG GIÁ CẢ

22/9/2007 - HVTC

Chuyên đề Thanh toán quốc tế

47

II. ĐIỀU KIỆN VỀ THỜI GIAN THANH TOÁN

1. THANH TOÁN TRẢ TRƯỚC (ADVANCE PAYMENT)

2. THANH TOÁN TRẢ TIỀN NGAY (AT SIGHT PAYMENT)



3. THANH TOÁN TRẢ TIỀN SAU (DEFERRED PAYMENT)

4. THANH TOÁN HỖN HỢP (MIX/COMBINED PAYMENT)

22/9/2007 - HVTC

Chuyên đề Thanh toán quốc tế

48

II. ĐIỀU KIỆN VỀ THỜI GIAN THANH TOÁN

1. THANH TOÁN TRẢ TRƯỚC (ADVANCE PAYMENT)

* **Khái niệm:**

* **Hình thức thanh toán trước:**

- Người nhập khẩu trả tiền trước cho người xuất khẩu với mục đích cấp tín dụng cho người xuất khẩu @
- Người nhập khẩu trả tiền trước cho người xuất khẩu với ý nghĩa là tiền đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng xuất khẩu (Performance Bond) @

* **Các công thức**

22/9/2007 - HVTTC

Chuyên đề Thanh toán quốc tế

49

Xác định số tiền ứng trước theo thanh toán PB (Performance Bond)

- * Nếu ký HĐ với giá cao hơn giá thị trường:

$$PA = Q \cdot (HP - MP)$$

PA: Tiền ứng trước;

HP: Giá ký kết trong hợp đồng ở mức cao

Q: Số lượng hàng hoá;

MP: Giá bình quân trên thị trường.

- * T/h người XK không tin vào khả năng thanh toán của người NK

$$PA = TA \cdot \{(1 + R)^N - 1\} + Pe$$

PA: Tiền ứng trước;

TA: Tổng trị giá hợp đồng TA, $\{(1 + R)^N - 1\}$: Tiền lãi vay Ngân hàng;

R: Lãi suất vay Ngân hàng ở nước người xuất khẩu; N: Thời hạn vay của người xuất khẩu

Pe: tỷ lệ Tiền phạt vi phạm hợp đồng

22/9/2007 - HVTTC

Chuyên đề Thanh toán quốc tế

50

MỨC ĐẶT CỌC (PERFORMANCE BOND)

PA = PERFORMANCE AMOUNT = ?

TA = TOTAL AMOUNT = 10.000.000,00 USD

R = INTEREST RATE = 5% / MONTH . N = MATURITY = 5 MONTHS

PE = PENALTY 6% TA

$$PA = TA \left[(1 + R)^N - 1 \right] + Pe$$

$$PA = 10.000.000,00 \left[(1 + 0,05)^5 - 1 \right] + 6\% 10.000.000,00$$

$$PA = 2.760.000,00 + 600.000,00 = 3.360.000 \text{ USD}$$

hoặc là = 33,6%

51

ĐIỀU KIỆN VỀ THỜI GIAN THANH TOÁN

2. THANH TOÁN TRẢ TIỀN NGAY (AT SIGHT PAYMENT)

Timeline diagram for At Sight Payment:

- COD** (Circular Open Date)
- COB** (Circular Open Bill)
- D/P** (Document against Payment)
- D/P x days** (Document against Payment x days)
- COR** (Circular Open Receipt)

22/9/2007 - HVTC Chuyên đề Thanh toán quốc tế 52

ĐIỀU KIỆN VỀ THỜI GIAN THANH TOÁN

3. THANH TOÁN TRẢ TIỀN SAU (DEFERRED PAYMENT)

Timeline diagram for Deferred Payment:

- COD x days** (Circular Open Date x days)
- COB x days** (Circular Open Bill x days)
- D/A** (Document against Acceptance)
- COR x days** (Circular Open Receipt x days)

- ✓ Trả tiền sau x ngày kể từ ngày nhận được thông báo của người xuất khẩu đã hoàn thành giao hàng không trên phương tiện vận tải tại nơi giao hàng quy định.
- ✓ Trả tiền sau x ngày kể từ ngày người xuất khẩu đã hoàn thành giao hàng trên phương tiện vận tải tại nơi giao hàng quy định.
- ✓ Trả tiền sau x ngày kể từ ngày nhận được chứng từ - D/A (*D/A - Document against Acceptance*)
- ✓ Trả tiền sau x ngày kể từ ngày nhận xong hàng hoá

22/9/2007 - HVTC Chuyên đề Thanh toán quốc tế 53

ĐIỀU KIỆN VỀ THỜI GIAN THANH TOÁN

4. THANH TOÁN HỖN HỢP (MIX/COMBINED PAYMENT)

- 3% tổng trị giá hợp đồng trả cho người bán trong thời hạn 30 ngày sau ngày ký hợp đồng; (đây là hình thức trả trước)
- 7% tổng trị giá hợp đồng trả cho người bán trong vòng 30 ngày trước ngày quy định đợt giao hàng thứ nhất (đây là hình thức trả trước)
- 5% tổng trị giá hợp đồng trả cho người bán ngay sau khi giao đợt hàng cuối cùng (đây là hình thức trả ngay);
- 5% tổng trị giá hợp đồng trả cho người bán trong vòng 30 ngày khi đã lắp xong máy, không được chậm quá 12 tháng kể từ sau khi giao xong đợt hàng cuối cùng (đây là hình thức trả sau);
- 80% tổng trị giá hợp đồng còn lại trả trong thời hạn 5 năm, mỗi năm một phần bằng nhau (đây là hình thức trả sau)

Ghi chú: Tùy theo tính chất của HĐMB, tính chất của hàng hóa để quy định thời gian thanh toán

22/9/2007 - HVTC Chuyên đề Thanh toán quốc tế 54

III. PHƯƠNG THỨC TTQT

■ Phương thức thanh toán:

là cách thức tiến hành việc đòi và trả tiền giữa người bán và người mua được quy định trong hợp đồng mua bán ngoại thương.

- **Thanh toán như thế nào? (How to pay)**
- **Công cụ chính cần sử dụng trong trình tự nghiệp vụ đó là công cụ gì? (By what to pay)**

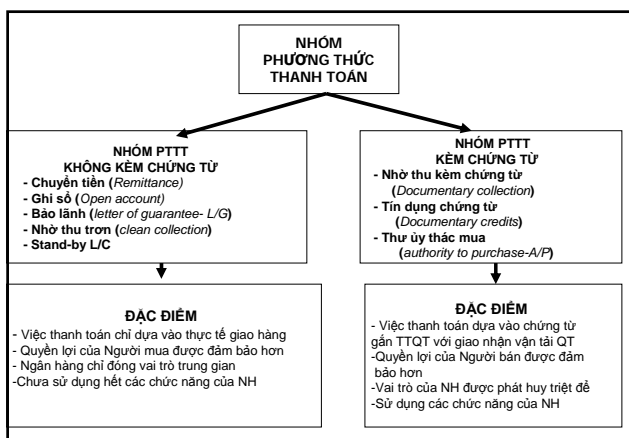
MỤC ĐÍCH LỰA CHỌN PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

* Đối với người bán:

- Đảm bảo thu tiền về an toàn, chính xác, đầy đủ, kịp thời
- Giá trị HĐ thu về không bị mất giá trong trường hợp tiền tệ biến động
- Mở rộng quan hệ buôn bán
- Trong những điều kiện thương mại giống nhau, thu tiền càng nhanh, càng tốt

* Đối với người mua:

- Đảm bảo nhận hàng đúng số lượng, chất lượng, thời hạn.
- Mở rộng quan hệ buôn bán
- Trong những điều kiện thương mại giống nhau, trả tiền càng chậm càng tốt



PHƯƠNG THỨC CHUYỂN TIỀN (REMITTANCE)

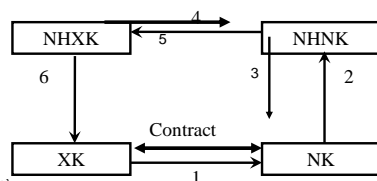
a. Khái niệm:

Là một phương thức thanh toán mà người mua, con nợ hay là người muốn chuyển tiền yêu cầu ngân hàng đại diện cho mình chuyển một số tiền nhất định cho một người nào đó đến một nơi nào đó bằng phương tiện mà mình đề ra.

b. Các bên tham gia:

- ✓ Người yêu cầu chuyển tiền
- ✓ Người hưởng lợi
- ✓ Ngân hàng chuyển tiền
- ✓ Ngân hàng trả tiền

c. Quy trình chuyển tiền




1. Giao hàng và chứng từ
2. Yêu cầu chuyển tiền
3. Ngân hàng chuyển tiền Ghi nợ TK ngoại tệ của người yêu cầu chuyển tiền
4. Ngân hàng chuyển tiền phát lệnh thanh toán cho NH trả tiền (P/O bằng T/T hoặc M/T)
5. Báo nợ TK ngân hàng chuyển tiền
6. Ngân hàng trả tiền báo có cho người hưởng lợi

Remittance

d. Nhận xét về phương thức chuyển tiền:

- Luật áp dụng: Pháp lệnh ngoại hối VN 2006
- Quyền lợi thuộc về người NK
- Vai trò của Ngân hàng thấp
- Trường hợp áp dụng: người XK, NK tin cậy nhau
- Hạn chế:
 - + Việc trả tiền phụ thuộc vào thiện chí của người NK
 - + Người NK thường trả tiền chậm

**PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN NHỜ THU
(COLLECTION)**




3.1. Giới thiệu về URC (Uniform Rules for Collection - Nguyên tắc thống nhất về nhờ thu) - Văn bản quốc tế điều chỉnh phương thức thanh toán nhờ thu

- ❖ Ban hành đầu tiên năm 1956: Nguyên tắc nhờ thu chứng từ thương mại
- ❖ 3 lần sửa đổi năm 1967; 1978 và 1995
- ❖ Uniform Rules for the Collection – URC 522, ICC, 1995 – Quy tắc thống nhất về nhờ thu URC 522, ICC, 1995 do Phòng thương mại quốc tế soạn thảo năm 1995.
- ❖ Theo URC: Nhờ thu có nghĩa là các ngân hàng sẽ tiếp nhận các chứng từ để thu hộ tiền cho các khách hàng căn cứ vào các điều kiện nhờ thu mà khách hàng đặt ra

→ **Muốn nhờ ngân hàng thu hộ tiền thì doanh nghiệp phải có chứng từ**

May-2008
61
Faculty Finance and Banking - FTU

**PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN NHỜ THU
(COLLECTION)**



3.2. Khái niệm


Là một phương thức mà theo đó các ngân hàng nhận được sự ủy thác của khách hàng tiến hành thu tiền từ người có nghĩa vụ trả tiền hoặc yêu cầu người có nghĩa vụ trả tiền chấp nhận thanh toán theo các nội dung và điều kiện quy định trong chỉ thị nhờ thu

3.3. Đặc điểm của nhờ thu:

- Căn cứ nhờ thu là chứng từ (documents), không phải là hợp đồng
- Vai trò của ngân hàng chỉ là người trung gian
- Nhờ thu trong thương mại chỉ xảy ra sau khi người bán đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng (lập chứng từ).

May-2008
62
Faculty Finance and Banking - FTU

**PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN NHỜ THU
(COLLECTION)**




3.4. Các chứng từ nhờ thu:

- **Chứng từ tài chính:** bao gồm các chứng từ như Hối phiếu, séc, Kỳ phiếu, hoặc các chứng từ tương tự khác mà mục đích là để thu tiền
- **Chứng từ thương mại:** các chứng từ như hoá đơn, chứng từ vận tải, các chứng từ nói về quyền sở hữu đối với hàng hoá hoặc bất kỳ chứng từ nào khác không phải là chứng từ tài chính thì được gọi là chứng từ thương mại

May-2008
63
Faculty Finance and Banking - FTU

❖❖

**PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN NHỜ THU
(COLLECTION)**




3.5 Các bên tham gia trong phương thức nhờ thu:

- **Principle** - Người nhờ thu: người xuất khẩu
- **Drawee** - Người có nghĩa vụ trả tiền: người nhập khẩu
- **Remitting Bank** – Ngân hàng chuyển: là Ngân hàng đại diện cho người nhờ thu, ngân hàng này có nghĩa vụ tiếp nhận chứng từ từ người ủy thác nhờ thu theo những điều kiện mà người nhờ thu đặt ra để thu hộ tiền cho họ, khi nhận chứng từ như thế nào thì sẽ chuyển đi như vậy
- **Collecting Bank** – Ngân hàng thu hộ: là ngân hàng đại diện cho người trả tiền, thông thường ở nước người trả tiền là ngân hàng thu hộ, ngân hàng này có thể do ngân hàng chuyển chỉ định (nếu người xuất khẩu không nêu rõ) hoặc có thể do người xuất khẩu đề nghị trong thư yêu cầu nhờ thu của mình

May-2008
64
Faculty Finance and Banking - FTU

❖❖

**PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN NHỜ THU
(COLLECTION)**



3.6. Các loại nhờ thu:

(a) Nhờ thu trơn – Clean Collection:

- Định nghĩa:


Phương thức nhờ thu trơn là một phương thức thanh toán mà trong đó người có các tài khoản tiền phải thu từ các công cụ thanh toán nhưng không thể tự mình thu được cho nên phải ủy thác cho Ngân hàng thu hộ tiền ghi trên công cụ thanh toán đó không kèm với điều kiện chuyển giao chứng từ.

- Quy trình thanh toán

May-2008
65
Faculty Finance and Banking - FTU

❖❖

Clean collection



NHKK
Remitting bank

NHKK
Collecting bank

XK
Principal

NK
Drawee

2
↓

3
→

5
←

5
↓

4
↓

1
→

1. Giao hàng và chứng từ

2. Lập Hối phiếu và viết chỉ thị nhờ thu.

3. Lập thư ủy thác nhờ thu, hối phiếu


4. Xuất trình hối phiếu để đòi tiền (at sight/time Draft)

5. Người NK tiến hành trả tiền (T/T, M/T) hoặc chấp nhận trả tiền

May-2008
66
Faculty Finance and Banking - FTU

❖❖

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN NHỜ THU
(COLLECTION)



- **Nhận xét:**

- + việc nhận hàng không liên quan tới việc thanh toán.
- + Quyền lợi của người xuất khẩu không được đảm bảo. Người nhập khẩu có thể nhận hàng mà không trả tiền
- + Chưa sử dụng hết chức năng của ngân hàng. Vai trò của ngân hàng chỉ đơn thuần, không chịu trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra


- **Trường hợp áp dụng:**

- + Để thanh toán các dịch vụ phí mà người bán cấp cho người mua
- + Hai bên mua- bán hoàn toàn tin cậy lẫn nhau

May-2008
67
Faculty Finance and Banking - FTU

❖❖

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN NHỜ THU
(COLLECTION)



3.6. Các loại nhờ thu:


(b) Nhờ kèm chứng từ – Documentary Collection:

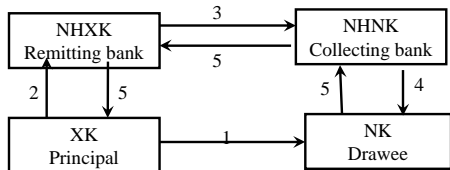
- Là loại nhờ thu dựa vào chứng từ tài chính cùng với chứng từ thương mại hoặc chỉ dựa vào chứng từ thương mại (trong trường hợp này hóa đơn thương mại thay cho hối phiếu).
- Các điều kiện trao chứng từ:
 - D/P: Documents Against Payment
 - D/A: Documents Against Acceptance
 - D/TC: Documents Against other Terms & Conditions

May-2008
68
Faculty Finance and Banking - FTU

❖❖

Documentary collection





1. Giao hàng


2. Lập chứng từ thanh toán hoặc chứng từ thương mại và viết chỉ thị nhờ thu.

5. Người NK tiến hành kiểm tra chứng từ nếu thấy chứng từ phù hợp thì trả tiền (T/T, M/T) hoặc chấp nhận trả tiền và thu vắn tái đơn về.

3. Lập thư ủy thác nhờ thu, hối phiếu và chứng từ giao hàng

4. Xuất trình hối phiếu và chứng từ giao hàng để đòi tiền (D/P; D/A; D/TC)


May-2008
69
Faculty Finance and Banking - FTU



PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ (DOCUMENTARY CREDIT)

Slide 4-70

1. KHÁI NIỆM



Phương thức tín dụng chứng từ là một sự thỏa thuận theo đó một ngân hàng (ngân hàng mở thư tín dụng) theo yêu cầu của một khách hàng (người yêu cầu mở thư tín dụng) hoặc nhân danh chính mình cam kết sẽ trả một số tiền nhất định cho một người thứ ba (người hưởng lợi) hoặc phải chấp nhận hối phiếu do người hưởng lợi ký phát và trả tiền khi đáo hạn với điều kiện là các chứng từ do người hưởng lợi lập và xuất trình phải phù hợp với các quy định trong L/C.

Đơn yêu cầu phát hành L/C


Letter of credit

SƠ ĐỒ: NK → NPH → XK

Luật Việt nam Tập quán quốc tế

May-2008 71 Faculty Finance and Banking - FTU

2. NGUỒN LUẬT ĐIỀU CHỈNH



A. LUẬT QUỐC TẾ CHƯA CÓ

B. TẬP QUÁN QUỐC TẾ

- * UCP 600 , 2007 (Uniform custom and practice for the documentary credit 600)
- * ISBP 681 , 2007- International standard banking practice
- * eUCP 1.1 , 2007 - Supplement to UCP600 for presentation of electronic documents
- * URR 525, ICC - Uniform rules for bank to bank reimbursement under documentary credit

May-2008 72 Faculty Finance and Banking - FTU

3. CÁC BÊN LIÊN QUAN



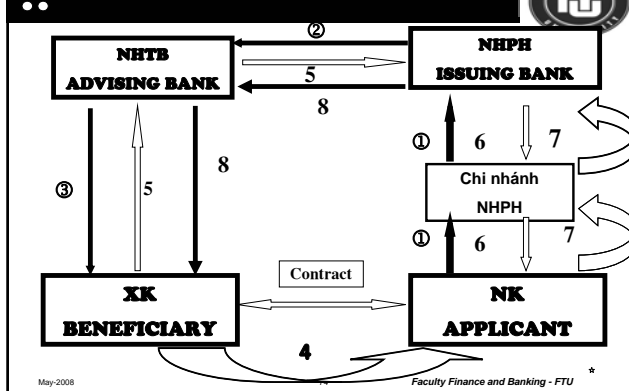
- Người yêu cầu mở L/C (applicant)
- Ngân hàng phát hành thư tín dụng (Issuing Bank)
- Người hưởng lợi thư tín dụng (Beneficiary)
- Ngân hàng thông báo thư tín dụng (Advising bank)

May-2008

73

Faculty Finance and Banking - FTU

QUY TRÌNH THANH TOÁN DOCUMENTARY CREDITS



May-2008

Faculty Finance and Banking - FTU

:: CÁC QUY TRÌNH




- ❖ (1) Gửi đơn yêu cầu phát hành thư tín dụng và tiến hành ký quỹ.
- ❖ (2) Phát hành L/C qua Ngân hàng Đại lý cho Người xuất khẩu hưởng lợi.
- ❖ (3) Ngân hàng thông báo tiến hành thông báo L/C và chuyển bản gốc L/C cho Người hưởng lợi
- ❖ (4) Giao hàng.
- ❖ (5) Xuất trình chứng từ đòi tiền Ngân hàng phát hành L/C.
- ❖ (6) Ngân hàng phát hành thông báo kết quả kiểm tra chứng từ cho Người yêu cầu
- ❖ (7) Người yêu cầu chấp nhận hay từ chối thanh toán.
- ❖ (8) Ngân hàng phát hành thông báo chấp nhận hay từ chối nhận chứng từ.

May-2008

75

Faculty Finance and Banking - FTU

:: L/C THƯƠNG MẠI



1. Khái niệm:

2. Tính chất của L/C: Điều 4, UCP 600


3. Hình thức phát hành L/C:

- Phát hành L/C bằng thư
- Phát hành L/C bằng điện: TELEX hoặc điện SWIFT MT700.

*** NỘI DUNG L/C PHÁT HÀNH SWIFT MT700**

May-2008
76
Faculty Finance and Banking - FTU

:: PHÁT HÀNH L/C SWIFT MT 700



III. Những nội dung chủ yếu của L/C (SWIFT: MT 700).

39B: Maximum Credit Amount: Not Exceeding

41D: Available with any bank by negotiation – Hình thức thanh toán của L/C

42C: Draft at sight for 100% of invoice value


42D: Drawee – Name & Address

43P: Partial Shipments: Not Allowed

43T: Transshipment: Not Allowed

May-2008
77
Faculty Finance and Banking - FTU

:: PHÁT HÀNH L/C SWIFT MT 700



III. Những nội dung chủ yếu của L/C (SWIFT: MT 700).

27: Sequence of total - Số lượng bản gốc phát hành 40A: *Form of credit* - loại thư tín dụng: Irrevocable

20: *L/C No* - Số L/C. Do các ngân hàng tự thiết kế để theo dõi

31C: *Date of issue* – Ngày phát hành L/C

31D: *Date and Place of Expiry*

51D: Applicant Bank – Name and address – Ngân hàng chi nhánh nơi người nhập khẩu lập hồ sơ thủ tục xin mở L/C tại địa bàn của mình


50. Applicant: Name and address – Tên và địa chỉ của người nhập khẩu.

59. Beneficiary. Tên và địa chỉ của Người hưởng lợi L/C (người xuất khẩu)

32B: Current Code, Amount - Loại tiền và số tiền của L/C

May-2008
78
Faculty Finance and Banking - FTU

::



III. Những nội dung chủ yếu của L/C (SWIFT: MT 700).

44A: On Board / Disp / Taking charge at – Nơi nhận hàng để gửi; nơi bốc hàng lên tàu (cảng đi hoặc địa điểm đi)


44B: For transportation to – Hàng được giao tới (cảng đến).

44C: Latest date of Shipment - Ngày giao hàng chậm nhất.

45A: Description of Goods & / or Services

May-2008
79
Faculty Finance and Banking - FTU

::



III. Những nội dung chủ yếu của L/C (SWIFT: MT 700).

46A: Document required

47A: Additional Conditions - Các điều kiện khác. VD: *Tất cả các chứng từ đều phải được viết và phát hành bằng tiếng Anh*


71B: Charges - Các chi phí có liên quan tính vào tài khoản của ai.

48: Period for Presentation - Thời hạn xuất trình chứng từ. VD: *UCP 600: Người bán phải xuất trình chứng từ sau 21 ngày kể từ ngày giao hàng.*

78: Instruction to pay/accept/Negotiation Bank - Chỉ dẫn thanh toán của ngân hàng phát hành tới các ngân hàng trả tiền / ngân hàng chấp nhận / ngân hàng chiết khấu

May-2008
80
Faculty Finance and Banking - FTU

::



Thanks for your attention!

May-2008
81
Faculty Finance and Banking - FTU
